

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 535/2023/KDTM-ST  
Ngày: 25/7/2023  
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng  
mua bán hàng hoá*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Võ Thị Thanh Nga
- Ông Đỗ Xuân Nam

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 805/2022/TLST-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-DS ngày 20/6/2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-KDTM ngày 28/6/2023, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV T1

Trụ sở: A8/16 M, Ấp A, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1984

Địa chỉ: G L, Phường A, quận T, Tp .

Là người đại diện theo uỷ quyền – Văn bản uỷ quyền số 05.03/UQ.2022 ngày 05/3/2022 của Công ty TNHH MTV T1.

“vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt”

**2. Bị đơn:** Công ty TNHH MTV K;

Trụ sở: B H, Phường H, quận P, Tp .

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Duy Hnh năm 1986.

Địa chỉ: K (Tổ F), phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

“vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05/03/2022, các lời khai tiếp sau đó người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Công ty TNHH MTV T1 là bà Nguyễn Thị G trình bày:

Công ty TNHH MTV T1 (gọi tắt là Công ty T1 là Công ty chuyên về mua bán vật tư ngành cấp thoát nước, hoá chất, nguyên phụ liệu ngành nhựa. Từ năm 2014 Công ty T1 và Công ty TNHH K (Sau đây gọi là Công ty K có thỏa thuận với nhau về việc

mua bán hàng hóa là các loại phụ kiện ngành nhựa HDPE Đệ Nhất như Ông Co, Lõi, T. Y, Bít xả, Nút bít và một số vật tư khác. Việc mua bán các hàng hóa trên giữa Công ty T1 và Công ty K, không lập hợp đồng mua bán, chủ yếu hai bên hợp tác dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau nên chỉ thỏa thuận mua bán với nhau bằng lời nói, trao đổi đặt hàng bằng văn bản hoặc gửi qua email. Khi nhận được đơn đặt hàng, Công ty T1 sẽ giao hàng cho Công ty K trong vòng 07 ngày. Mỗi đơn hàng giao đi, Công ty T1 đều có xuất hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo. Hai bên thỏa thuận sau khi nhận được hàng và hóa đơn tài chính, bên mua sẽ thanh toán cho bên bán trong vòng 30 - 45 ngày. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, Công ty K đã đặt rất nhiều đơn hàng, với tổng trị giá hàng hóa khoảng hơn 30 tỷ đồng, mỗi đơn hàng Công ty T1 đều giao hàng đầy đủ, có phiếu giao hàng kèm theo hóa đơn tài chính cho Công ty K. Trong những năm 2014 đến đầu năm 2017 Công ty TNHH MTV K1 rất đầy đủ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản Công ty T1. Tuy nhiên đến cuối năm 2017 việc thanh toán của Công ty K có dấu hiệu bị ngưng lại.

Căn cứ vào Đối chiếu công nợ và Biên bản về việc đối chiếu và cân trừ công nợ số: 002/2019/BB/TTPCons ngày 30/06/2019 giữa Công ty TNHH MTV K và Công ty T1 tính đến ngày 30/06/2019 Công ty K còn nợ Công ty T1 số tiền là: 864.325.290 đồng (tám trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi đồng). Công ty T1 đã nhiều lần tìm cách liên lạc với Công ty TNHH MTV K để yêu cầu thanh toán khoản nợ trên và ngày 27 tháng 05 năm 2021 Công ty T1 đã gửi Thông báo để yêu cầu Công ty TNHH MTV K trong vòng 15 ngày kể từ ngày 01/06/2021 đến ngày 15/06/2021 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho Công ty T1 nếu đến hết ngày 15/06/2021 Công ty T1 vẫn chưa nhận được số tiền: 864.325.290 đồng (tám trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi đồng) Công ty T1 sẽ tiến hành khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên đến nay, Công ty TNHH MTV K vẫn cố tình tránh né, không thanh số tiền nợ còn thiếu nêu trên.

Do công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng K vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Công ty T1 vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Công ty TNHH MTV K có trách nhiệm thanh toán ngay cho Công ty T1 toàn bộ số tiền nợ mua hàng còn thiếu, tính đến ngày 28/02/2023, số tiền là 1.071.763.018 đồng (Một tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm mười tám đồng), bao gồm nợ gốc là: 864.325.290 đồng (Tám trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi đồng) và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất là 9%/năm, số tiền lãi chậm trả =  $864.325.290 \text{ đồng} \times 9\% = 77.789.276 \text{ đồng/năm}$ . Số tiền lãi mỗi tháng là:  $77.789.276 \text{ đồng} / 12 \text{ tháng} = 6.482.439 \text{ đồng}$  (Sáu triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng). Tiền lãi chậm trả của Công ty K tính từ ngày 30/06/2019 đến ngày 28/02/2022 là  $32 \text{ tháng} \times 6.482.439 = 207.438.069 \text{ đồng}$  (Hai trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng).

Công ty TNHH MTV T1 tự nguyện không yêu cầu Công ty TNHH MTV K phải trả lãi chậm trả trong khoảng thời gian từ ngày 01.3.2022 đến ngày Tòa án xét xử. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả dứt nợ cho nguyên đơn, Công ty TNHH MTV K tiếp tục trả lãi chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo quy định Điều 306 Luật Thương mại.

\* Bị đơn - Công ty TNHH MTV K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa mặc dù đã được triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; các **Thông** báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; các **Quyết** định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên toà sơ thẩm; Quyết định hoãn phiên toà. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có bất kỳ lời khai hoặc tài liệu chứng cứ nào của đại diện hợp pháp của **Công ty TNHH MTV K**.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, **thư** ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố **tụng** dân sự. **Đối với** người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố **tụng** dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc:

**Công ty TNHH MTV K** có trách nhiệm thanh toán ngay cho **Công ty T1** toàn bộ số tiền nợ mua hàng còn thiếu, tính đến ngày 28/02/2023, số tiền là 1.071.763.018 đồng (Một tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn, không trăm mười tám đồng), bao gồm nợ gốc là: 864.325.290 đồng (Tám trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi đồng) và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất là 9%/năm, số tiền là  $864.325.290 \text{ đồng} \times 9\% = 77.789.276 \text{ đồng/năm}$ . Số tiền lãi mỗi tháng là:  $77.789.276 \text{ đồng}/12 \text{ tháng} = 6.482.439 \text{ đồng}$  (Sáu triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng). Tiền lãi chậm trả của **Công ty K** tính từ ngày 30/06/2019 đến ngày 28/02/2022 là  $32 \text{ tháng} \times 6.482.439 = 207.438.069 \text{ đồng}$  (Hai trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của **Công ty TNHH MTV T1** không yêu cầu **Công ty TNHH MTV K** phải trả lãi chậm trả trong khoảng thời gian từ ngày 01.3.2022 đến ngày Tòa án xét xử. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả dứt nợ cho nguyên đơn, **Công ty TNHH MTV K** tiếp tục trả lãi chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo quy định Điều 306 Luật Thương mại.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là **Công ty TNHH MTV K** có đại diện theo pháp luật là ông **Trần Duy H**, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nhiều lần và trụ sở nơi làm việc đã không còn hoạt động. Cụ thể Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản sau: Thông báo thụ lý vụ án; các **Giấy** triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; các **Thông** báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; các **Quyết** định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên toà sơ thẩm; Quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật **tố** tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên T1: Căn cứ vào Đối chiếu công nợ và Biên bản về việc đối chiếu và cân trừ công nợ số: 002/2019/BB/TTPCons ngày 30/06/2019 giữa Công ty TNHH MTV K và Công ty T1; Thông báo yêu cầu thanh toán tiền nợ còn thiếu đề ngày 25/7/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Giữa Công ty TNHH Một thành viên T1 và Công ty TNHH MTV K có xác lập quan hệ mua bán vật tư ngành cấp thoát nước, hoá chất, nguyên phụ liệu ngành nhựa. Theo các hoá đơn giá trị gia tăng số 0006696 ngày 23/11/2017; số 006695 ngày 23/11/2017; số 0006694 ngày 23/11/2017; số 0005545 ngày 01/11/2017; số 0005544 ngày 01/11/2017; số 0005543 ngày 01/11/2017, Công ty TNHH MTV K còn nợ Công ty TNHH Một thành viên T1 số tiền mua hàng là 864.325.290 đồng (tám trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi đồng). Theo thoả thuận của hai bên, sau khi nhận được hàng và hóa đơn tài chính, bên mua sẽ thanh toán cho bên bán trong vòng 30 - 45 ngày. Các hoá đơn nêu trên đã được gửi cho Công ty TNHH MTV K để thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Căn cứ biên bản đối chiếu và cân trừ công nợ đề ngày 30/6/2019 giữa các bên có cơ sở xác định Công ty TNHH MTV K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên T1 buộc Công ty TNHH MTV K có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền mua hàng còn thiếu là 864.325.290 đồng (tám trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi, mức lãi suất chậm trả: Căn cứ quy định Luật thương mại và Bộ luật dân sự 2015 có cơ sở xác định: do Công ty TNHH MTV K vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu, tuy nhiên, Công ty TNHH Một thành viên T1 chỉ yêu cầu trả lãi chậm thanh toán kể từ ngày 30/6/2019 đến ngày 28/02/2022 với mức lãi suất là 9%/năm là tự nguyện, không vượt quá mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng thương mại trên địa bàn quận P tại thời điểm xét xử là có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Một thành viên T1 buộc Công ty TNHH MTV K có trách nhiệm trả lãi chậm trả cho Công ty TNHH Một thành viên T1 theo mức lãi suất là 9%/năm, cụ thể: tiền lãi chậm trả = 864.325.290 đồng x 9% = 77.789.276 đồng/năm. Số tiền lãi mỗi tháng là: 77.789.276 đồng/12 tháng = 6.482.439 đồng (Sáu triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn, bốn trăm ba mươi chín đồng). Tiền lãi chậm trả của Công ty K tính từ ngày 30/06/2019 đến ngày 28/02/2022 là 32 tháng x 6.482.439 = 207.438.069 đồng (Hai trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng).

[2.3] Như vậy, tổng số tiền Công ty TNHH MTV K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên T1 là 1.071.763.359 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi một triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm năm mươi chín đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH MTV T1 không yêu cầu Công ty TNHH MTV K phải trả lãi chậm trả trong khoảng thời gian từ ngày 01.3.2022 đến ngày Toà án xét xử. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả dứt nợ cho nguyên đơn, Công ty TNHH MTV K còn phải tiếp tục trả lãi chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo quy định Điều 306 Luật Thương mại.

[3] Án phí KDTMST: Công ty TNHH MTV K phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thi hành, cụ thể án phí phải chịu là 44.152.900 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm năm mươi hai nghìn chín trăm đồng)

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty TNHH MTV T1.  
Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 147; Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 24, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại 2005;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01-NQ/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

Xử:

### **1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Công ty TNHH MTV T1.**

Buộc Công ty TNHH MTV K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên T1 số tiền mua hàng còn thiếu tổng cộng là 1.071.763.359 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi một triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm năm mươi chín đồng), trong đó: số tiền nợ gốc là 864.325.290 đồng (tám trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi đồng); số tiền nợ lãi chậm thanh toán là 207.438.069 đồng (Hai trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm ba mươi tám ngàn, không trăm sáu mươi chín đồng) theo Đối chiếu công nợ và Biên bản về việc đối chiếu và cân trừ công nợ số: 002/2019/BB/TTPCons ngày 30/06/2019 giữa Công ty TNHH MTV K và Công ty T1.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH Một thành viên T1 không yêu cầu Công ty TNHH MTV K phải trả lãi chậm trả trong khoảng thời gian từ ngày 01.3.2022 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả dứt nợ cho Công ty TNHH Một thành viên T1, Công ty TNHH MTV K còn phải tiếp tục trả lãi chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo quy định Điều 306 Luật Thương mại.

**2. Án phí KDTM sơ thẩm:** Số tiền là 44.152.900 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm năm mươi hai nghìn chín trăm đồng).

**2.1 Công ty TNHH MTV K** phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 44.152.900 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm năm mươi hai ngàn chín trăm đồng).

**2.2.** Hoàn trả cho Công ty Cổ phần T3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.076.000 (Hai mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0029853 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.** Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

### **4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:**

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thảo**